

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CỬ CHI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 26 tháng 8 năm 2025

**PHƯƠNG ÁN
SỬA CHỮA LỚN CÔNG XA NĂM 2026**

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỚN TSCĐ XE TẢI CẦU HINO

BIÊN SỐ: 51C-881.92; MCT: CCHD2608001

KẾ HOẠCH: SỬA CHỮA LỚN CÔNG XA NĂM 2026

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CỬ CHI

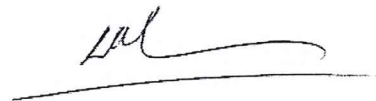
ĐƠN VỊ LẬP PASC: VĂN PHÒNG CÔNG TY

CHỦ TRÌ LẬP PASC: VĂN PHÒNG CÔNG TY

TỔNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN : 444.820.350 đồng

LẬP PASC- DT: TRỊNH HOÀNG AN

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH**



Nguyễn Thị Diệu

Tháng 08/2025

TẬP I
THUYẾT MINH PASC

- Chương I : TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH
- Chương II : CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT SỬA CHỮA
- Chương III : CÁC PHỤ LỤC

TẬP I
THUYẾT MINH PASC

- Chương I : TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH
- Chương II : CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT SỬA CHỮA
- Chương III : CÁC PHỤ LỤC

CHƯƠNG I

TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH

1. Cơ sở lập phương án sửa chữa.

Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BCT của Bộ Tài chính ngày 04/8/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Quyết định số 3706/QĐ-EVNHCMC ngày 21/7/2025 của Tổng công ty V/v ban hành Quy định quản lý tài sản, nguồn vốn và huy động vốn trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM;

Quyết định số 6020/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2024 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 28/01/2022 về việc ban hành Quy chế quản lý Tài sản và Nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-HĐTV ngày 06/12/2022 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về thực hiện sửa chữa lớn tài sản trong Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 3739/EVN-ĐT ngày 07/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định;

Căn cứ Quyết định số 1229/PCCCh ngày 07/08/2025 của Công ty Điện lực Củ Chi về việc giao danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026 lần 1;

Căn cứ Biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng số 776/BB-PCCCh ngày 19/03/2025 của Công ty Điện lực Củ Chi.

2. Giới thiệu xe sửa chữa:

+ Loại xe: Tải cầu có gắn gàu

+ Hiệu xe: Hino

Nước sản xuất: Việt nam

+ Biển số: 51C-881.92

Mã số tài sản:

+ Số máy: J08EUG15864

Số khung: RNJFG8JPSGXX17332

A. Nguồn gốc và tình trạng kỹ thuật:

- Xe được trang bị từ năm: năm 2016

- Tình trạng xe lúc nhận: xe mới.

- Số lần đã đại tu: 01 lần

- Đã qua cải tạo sửa đổi: không
- Thời điểm cải tạo sửa đổi: Không
- Thời điểm đại tu gần nhất: 2022
- Số km đã hoạt động sau lần đại tu gần nhất: 33267
- Số km đã hoạt động từ trước đến nay: 89463 km
- Số giờ cầu đã hoạt động từ trước đến nay: 5940 giờ

B. Nhận xét bên ngoài:

1/ Phần máy

- Nhót dơ, các lọc động cơ nghẹt dơ.

2/ Phần thắng+ Ly hợp

- Thắng yếu, giảm hiệu lực, bộ thắng mòn, chạy bị giật.

3/ Phần dàn gầm

- Chạy có tiếng kêu, ồn.

4/ Phần đồng cabine + thùng:

- Mực rỉ sét, trầy xước.

5/ Phần điện, nệm

- Điện chập chờn, nệm rách.

6/ Phần tay lái

- Rơ lỏng rung lắc

7/ Phần sơn

- Bong dộp ngã màu.

8/ Phần lạnh

- Máy lạnh yếu, không lạnh

9/ Phần cầu:

- Bạc đạn ụ quay bàn mòn lỏng, phốt, các da ty ben chảy dầu, cáp tura giãn, bơm yếu, thùng gàu nâng mực bể.

C. Đánh giá chi tiết

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
A. PHẦN VẬT TƯ				
I. PHẦN MÁY				
1	Dây courroie	Sợi	2	Giãn
2	Lược dầu	Cái	2	Nghẹt dơ
3	Lược nhót	Cái	1	Nghẹt dơ
4	Lược gió	Cái	1	Nghẹt dơ

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
5	Nhớt máy	Lít	12	Cũ dơ
6	Cao su chân máy	Cục	2	Mục bề
7	Nước làm mát	Lít	7	
8	Ruột tăng áp động cơ	cái	1	Rơ lỏng
II. PHẦN THẮNG + LY HỢP				
1	Cuppen tổng phanh	Bộ	1	Chảy dầu
2	Cuppen bánh trước sau	Bộ	4	Chảy dầu
3	Ống cao su thắng	Ống	3	Nứt
4	Dầu thắng	Bình	2	Cũ dơ
5	Bộ ly hợp	Cái	1	Mòn bố
6	Bạc đạn ly hợp	Cái	1	Khua rỗ
7	Mâm ép	Cái	1	Yếu
8	Trợ lực ly hợp	bộ	1	Yếu
III. PHẦN DÀN GÀM				
1	Bạc đạn bánh trước	Cái	4	Khua rỗ
2	Bạc đạn bánh sau	Cái	4	Mòn bố
3	Feutre bánh trước	Cái	2	Chảy dầu
4	Feutre bánh sau	Cái	2	Chảy dầu
5	Phốt hợp số	Bộ	1	Chảy dầu
6	Phốt cầu	Bộ	1	Chảy dầu
7	Nhớt (hộp số + cầu)	Lít	10	Cũ dơ
8	Bạc ắc nhíp trước	Cái	6	Mục gãy
9	Bạc ắc nhíp sau	Cái	6	Mục gãy
10	Ống nhún trước sau	Ống	4	Yếu
11	Vỏ ruột yếm 10-20	cái	2	Mòn
IV. PHẦN ĐỒNG CABINE + THÙNG				
1	Tole làm đồng cabine (1,2 ly 1m x 2m)	tấm	1	Mục
2	Bửng thùng	cái	5	Mục rỉ sét
3	Tole 3 ly làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tấm	1	Mục rỉ sét
4	Bộ chấn bùn trước sau	Bộ	2	Cũ rách
5	Bản lề bửng thùng	Cái	20	Mục gãy
6	Khóa bửng thùng	Cái	8	Mục gãy
7	Vật tư gió đá hàn	Cái	1	Vật liệu gia công
V. PHẦN ĐIỆN + NỆM				

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
1	Chổi gạt nước	Cái	2	Hư
2	Chụp đèn lái sau	Cái	2	Mờ
3	Băng niêm trước sau (simili)	Bộ	1	Yếu
4	Tapis sàn	Cái	1	Mục rách
5	Bình ắc quy 70Ah	cái	2	Yếu
VI. TAY LÁI				
1	Rotule tay lái ngang	Cái	2	Rơ lỏng
VII. PHẦN SƠN				
1	Cabin xe	T.bộ	1	Bong dộp
2	Thùng xe	T.bộ	1	Bong dộp
3	Gầm chassis	T.bộ	1	Bong dộp
4	Cầu	T.bộ	1	Bong dộp
VIII. PHẦN MÁY LẠNH				
1	Block lạnh	cái	1	Yếu
2	Dàn lạnh	cái	1	Mục xì
3	Dàn nóng	cái	1	Mục xì
4	Phin lọc ga	cái	1	Dơ nghệt
5	Ống lạnh	bộ	1	Mục xì
6	Nhớt lock+ sạc ga 134	lần	1	Hết ga
IX. PHẦN CẦU				
1	Bạc đạn ụ quay bàn	Cái	4	Khua rỗ
2	Phốt ụ quay bàn	Cái	1	Chảy dầu
3	Nhớt thủy lực	Lít	100	Cũ dơ
4	Đạn mâm quay bàn	bộ	1	Rơ lỏng
5	Bố hãm cáp cầu	Bộ	1	Mòn bố
6	Cáp cầu	Mét	100	tura giãn
7	Lượt nhớt ben	Cái	1	Nghệt dơ
8	Bộ da ty vô ra cần	Bộ	3	Chảy dầu
9	Bộ da ty nâng cần	Bộ	1	Chảy dầu
10	Bộ da ty chân chống	Bộ	4	Chảy dầu
11	Bạc đạn ụ cuốn cáp	Cái	4	Khua rỗ
12	Ống thủy lực	ống	10	Nứt
13	Cardan láp thủy lực	cái	2	Rơ lỏng
14	Bạc đạn buli cáp	cái	8	Rơ lỏng
15	Gàu nâng composite	cái	1	Hư
B. PHẦN NHÂN CÔNG				

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Tình trạng kỹ thuật
1	Nhân công phần máy(bảo dưỡng)	T/phần	1	
2	Bơm trợ lực thắng	cái	1	Yếu
3	Tán bố thắng trước sau	càng	8	Mòn bố
4	Dốt tambua bánh trước sau	cái	4	Mòn xước
5	Tán bố thắng tay	bộ	1	Mòn bố
6	Nhân công phần thắng+ ly hợp	T/phần	1	
7	Nhân công phần dàn gầm	T/phần	1	
8	Làm đồng cabine	xe	1	Mục rỉ sét
9	Làm đồng sàn thùng(2m x 1m)	Tấm	1	Mục rỉ sét
10	Nhân công phần đồng cabine+thùng	T/phần	1	
11	Đèn phacos trước	Cái	2	Mờ
12	Demareur	Cái	1	Yếu
13	Dynamo	Cái	1	Yếu
14	Nhân công phần điện +nệm	T/phần	1	
15	Rotule tay lái dọc	Cái	2	Rơ lỏng
16	Nhân công phần tay lái	T/phần	1	
17	Nhân công phần sơn	T/phần	1	
18	Nhân công phần máy lạnh	T/phần	1	
19	Bơm cuốn cáp	cái	1	Yếu
20	Bơm quay bàn	cái	1	Yếu
21	Bơm cái cầu	cái	1	Yếu
22	Nhân công phần cầu	T/phần	1	
23	Kiểm định cầu + gàu	Cái	1	

CHƯƠNG II

CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT SỬA CHỮA

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa Thay mới
A. PHẦN VẬT TƯ				
I. PHẦN MÁY				
1	Dây courroie	Sợi	2	Thay mới
2	Lượt dầu	Cái	2	Thay mới
3	Lượt nhớt	Cái	1	Thay mới
4	Lượt gió	Cái	1	Thay mới

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa Thay mới
5	Nhớt máy	Lít	12	Thay mới
6	Cao su chân máy	Cục	2	Thay mới
7	Nước làm mát	Lít	7	Thay mới
8	Ruột tăng áp động cơ	cái	1	Thay mới
II. PHẦN THẮNG + LY HỢP				
1	Cuppen tổng phanh	Bộ	1	Thay mới
2	Cuppen bánh trước sau	Bộ	4	Thay mới
3	Ống cao su thẳng	Ống	3	Thay mới
4	Dầu thẳng	Bình	2	Thay mới
5	Bố ly hợp	Cái	1	Thay mới
6	Bạc đạn ly hợp	Cái	1	Thay mới
7	Mâm ép	Cái	1	Thay mới
8	Trợ lực ly hợp	bộ	1	Thay mới
III. PHẦN DÀN GÀM				
1	Bạc đạn bánh trước	Cái	4	Thay mới
2	Bạc đạn bánh sau	Cái	4	Thay mới
3	Feutre bánh trước	Cái	2	Thay mới
4	Feutre bánh sau	Cái	2	Thay mới
5	Phốt hợp số	Bộ	1	Thay mới
6	Phốt cầu	Bộ	1	Thay mới
7	Nhớt (hộp số + cầu)	Lít	10	Thay mới
8	Bạc ốc nhíp trước	Cái	6	Thay mới
9	Bạc ốc nhíp sau	Cái	6	Thay mới
10	Ống nhún trước sau	Ống	4	Thay mới
11	Vỏ ruột yếm 10-20	cái	2	Thay mới
IV. PHẦN ĐỒNG CABINE + THÙNG				
1	Tole làm đồng cabine (1,2 ly 1m x 2m)	tấm	1	Cấp mới
2	Bửng thùng	cái	5	Thay mới
3	Tole 3 ly làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tấm	1	Cấp mới
4	Bộ chấn bùn trước sau	Bộ	2	Thay mới
5	Bản lề bửng thùng	Cái	20	Thay mới
6	Khóa bửng thùng	Cái	8	Thay mới
7	Vật tư gió đá hàn	Cái	1	Vật liệu gia công

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa Thay mới
V. PHẦN ĐIỆN + NỆM				
1	Chổi gạt nước	Cái	2	Thay mới
2	Chụp đèn lái sau	Cái	2	Thay mới
3	Băng niêm trước sau (simili)	Bộ	1	Thay mới
4	Tapis sàn	Cái	1	Thay mới
5	Bình ắc quy 70Ah	cái	2	Thay mới
VI. TAY LÁI				
1	Rotule tay lái ngang	Cái	2	Thay mới
VII. PHẦN SƠN				
1	Cabin xe	T.bộ	1	Sơn mới
2	Thùng xe	T.bộ	1	Sơn mới
3	Gâm chassis	T.bộ	1	Sơn mới
4	Cầu	T.bộ	1	Sơn mới
VIII. PHẦN MÁY LẠNH				
1	Block lạnh	cái	1	Thay mới
2	Dàn lạnh	cái	1	Thay mới
3	Dàn nóng	cái	1	Thay mới
4	Phin lọc ga	cái	1	Thay mới
5	Ống lạnh	bộ	1	Thay mới
6	Nhớt lock+ sạc ga 134	lần	1	Thay mới
IX. PHẦN CẦU				
1	Bạc đạn ụ quay bàn	Cái	4	Thay mới
2	Phốt ụ quay bàn	Cái	1	Thay mới
3	Nhớt thuỷ lực	Lít	100	Thay mới
4	Đạn mâm quay bàn	bộ	1	Thay mới
5	Bố hãm cáp cầu	Bộ	1	Thay mới
6	Cáp cầu	Mét	100	Thay mới
7	Lượt nhớt ben	Cái	1	Thay mới
8	Bộ da ty vô ra cần	Bộ	3	Thay mới
9	Bộ da ty nâng cần	Bộ	1	Thay mới
10	Bộ da ty chân chống	Bộ	4	Thay mới
11	Bạc đạn ụ cuộn cáp	Cái	4	Thay mới
12	Ống thuỷ lực	ống	10	Thay mới
13	Cardan láp thuỷ lực	cái	2	Thay mới
17	Bạc đạn buli cáp	cái	8	Thay mới
15	Gàu nâng composite	cái	1	Thay mới

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa Thay mới
B. PHẦN NHÂN CÔNG				
1	Nhân công phần máy(bảo dưỡng)	Trọn gói	1	
2	Phục hồi Bơm trợ lực thắng	cái	1	
3	Tán bộ thắng trước sau	càng	8	
4	Dốt tambua bánh trước sau	cái	4	
5	Tán bộ thắng tay	bộ	1	
6	Nhân công phần thắng+ ly hợp	Trọn gói	1	
7	Nhân công phần dàn gầm	Trọn gói	1	
8	Làm đồng cabine	xe	1	
9	Làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tấm	1	
10	Nhân công phần đồng cabine+thùng	Trọn gói	1	
11	Phục hồi Đèn phacos trước	Cái	2	
12	Phục hồi Demareur	Cái	1	
13	Phục hồi Dynamo	Cái	1	
14	Nhân công phần điện +nệm	Trọn gói	1	
15	Phục hồi Rotule tay lái dọc	Cái	2	
16	Nhân công phần tay lái	Trọn gói	1	
17	Nhân công phần sơn	Trọn gói	1	
18	Nhân công phần máy lạnh	Trọn gói	1	
19	Phục hồi Bơm cuộn cáp	cái	1	
20	Phục hồi Bơm quay bàn	cái	1	
21	Phục hồi Bơm cái cầu	cái	1	
22	Nhân công phần cầu	Trọn gói	1	
23	Kiểm định cầu + gàu	Bộ	1	

Mục tiêu đạt được sau khi sửa chữa lớn :

1. Động cơ mạnh hơn vận chuyển làm việc hiệu quả, ít hao nhiên liệu, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.
2. Sau khi sửa chữa sẽ thu hồi các thiết bị thay thế như sau:

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa		Ghi chú
				Thu hồi	Hủy bỏ	
A. PHẦN VẬT TƯ						
I. PHẦN MÁY						

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa		Ghi chú
				Thu hồi	Hủy bỏ	
1	Dây courroie	Sợi	2		X	Sử dụng tốt
2	Lướt dầu	Cái	2		X	Sử dụng tốt
3	Lướt nhót	Cái	1		X	Sử dụng tốt
4	Lướt gió	Cái	1		X	Sử dụng tốt
5	Nhót máy	Lít	12		X	Sử dụng tốt
6	Cao su chân máy	Cục	2		X	Sử dụng tốt
7	Nước làm mát	Lít	6,5		X	Sử dụng tốt
8	Ruột tăng áp động cơ	cái	1		X	Sử dụng tốt
II. PHẦN THẮNG + LY HỢP						
1	Cuppen tổng phanh	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
2	Cuppen bánh trước sau	Bộ	4		X	Sử dụng tốt
3	Ống cao su thắng	Ống	3		X	Sử dụng tốt
4	Dầu thắng	Bình	2		X	Sử dụng tốt
5	Bộ ly hợp	Cái	1		X	Sử dụng tốt
6	Bạc đạn ly hợp	Cái	1			Sử dụng tốt
7	Mâm ép	Cái	1		X	Sử dụng tốt
8	Trợ lực ly hợp	bộ	1		X	Sử dụng tốt
III. PHẦN DÀN GÀM						
1	Bạc đạn bánh trước	Cái	4		X	Sử dụng tốt
2	Bạc đạn bánh sau	Cái	4		X	Sử dụng tốt
3	Feutre bánh trước	Cái	2		X	Sử dụng tốt
4	Feutre bánh sau	Cái	2		X	Sử dụng tốt
5	Phốt hợp số	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
6	Phốt cầu	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
7	Nhót (hộp số + cầu)	Lít	10		X	Sử dụng tốt
8	Bạc ắc nhíp trước	Cái	6		X	Sử dụng tốt
9	Bạc ắc nhíp sau	Cái	6		X	Sử dụng tốt
10	Ống nhún trước sau	Ống	4		X	Sử dụng tốt
11	Vỏ ruột yếm 10-20	cái	2		X	Sử dụng tốt
IV. PHẦN ĐỒNG CABINE + THÙNG						
1	Tole làm đồng cabine 1,2 ly (1m x 2m)	tám	1			Sử dụng tốt
2	Bửng thùng	cái	5		X	Sử dụng tốt
3	Tole 3 ly làm đồng sàn thùng (2mx1m2)	Tám	1			Sử dụng tốt
4	Bộ chấn bùn trước sau	Bộ	2		X	Sử dụng tốt

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa		Ghi chú
				Thu hồi	Hủy bỏ	
5	Bản lề bưng thùng	Cái	20		X	Sử dụng tốt
6	Khóa bưng thùng	Cái	8		X	Sử dụng tốt
7	Vật tư gió đá hàn	Cái	1			
V/ PHẦN ĐIỆN + NỆM						
1	Chổi gạt nước	Cái	2			
2	Chụp đèn lái sau	Cái	2		X	Sử dụng tốt
3	Băng niệm trước sau (simili)	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
4	Tapis sàn	Cái	1		X	Sử dụng tốt
5	Bình ắc quy 70Ah	cái	2	X		Sử dụng tốt
VI. TAY LÁI						
1	Rotule tay lái ngang	Cái	2			Sử dụng tốt
VII. PHẦN SƠN						
1	Cabin xe	T.bộ	1			Sử dụng tốt
2	Thùng xe	T.bộ	1			Sử dụng tốt
3	Gầm chassis	T.bộ	1			Sử dụng tốt
4	Cầu	T.bộ	1			Sử dụng tốt
VIII. PHẦN MÁY LẠNH						
1	Block lạnh	cái	1		X	Sử dụng tốt
2	Dàn lạnh	cái	1		X	Sử dụng tốt
3	Dàn nóng	cái	1		X	Sử dụng tốt
4	Phin lọc ga	cái	1		X	Sử dụng tốt
5	Ống lạnh	bộ	1		X	Sử dụng tốt
6	Nhớt lock+ sạc ga 134	lần	1			Sử dụng tốt
VII. PHẦN CẦU						
1	Bạc đạn ụ quay bàn	Cái	4		X	Sử dụng tốt
2	Phốt ụ quay bàn	Cái	1		X	Sử dụng tốt
3	Nhớt thủy lực	Lít	100		X	Sử dụng tốt
4	Đạn mâm quay bàn	bộ	1		X	Sử dụng tốt
5	Bộ hãm cáp cầu	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
6	Cáp cầu	Mét	100		X	Sử dụng tốt
7	Lượt nhớt ben	Cái	1		X	Sử dụng tốt
8	Bộ da ty vô ra cần	Bộ	3		X	Sử dụng tốt
9	Bộ da ty nâng cần	Bộ	1		X	Sử dụng tốt
10	Bộ da ty chân chống	Bộ	4		X	Sử dụng tốt
11	Bạc đạn ụ cuốn cáp	Cái	4		X	Sử dụng tốt

Stt	Mô tả	ĐVT	SL	Biện pháp sửa chữa		Ghi chú
				Thu hồi	Hủy bỏ	
12	Ống thủy lực	ống	10		X	Sử dụng tốt
13	Cardan láp thủy lực	cái	2		X	Sử dụng tốt
17	Bạc đạn buli cáp	cái	8		X	Sử dụng tốt
15	Gàu nâng composite	cái	1		X	Sử dụng tốt
B. PHẦN NHÂN CÔNG						
1	Nhân công phần máy(bảo dưỡng)	T/phần	1			
2	Bơm trợ lực thắng	cái	1	x		Sử dụng tốt
3	Tán bố thắng trước sau	càng	8	x		Sử dụng tốt
4	Dốt tambua bánh trước sau	cái	4	x		Sử dụng tốt
5	Tán bố thắng tay	bộ	1	x		Sử dụng tốt
6	Nhân công phần thắng+ ly hợp	T/phần	1			
7	Nhân công phần dàn gầm	T/phần	1			
8	Làm đồng cabine	xe	1			Sử dụng tốt
9	Làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tấm	1			Sử dụng tốt
10	Nhân công phần đồng cabine+thùng	T/phần	1			
11	Đèn phacos trước	Cái	2	x		Sử dụng tốt
12	Demareur	Cái	1	x		Sử dụng tốt
13	Dynamo	Cái	1	x		Sử dụng tốt
14	Nhân công phần điện +nệm	T/phần	1			
15	Rotule tay lái dọc	Cái	2	x		Sử dụng tốt
16	Nhân công phần tay lái	T/phần	1			
17	Nhân công phần sơn	T/phần	1			
18	Nhân công phần máy lạnh	T/phần	1			
19	Bơm cuốn cáp	cái	1	x		Sử dụng tốt
20	Bơm quay bàn	cái	1	x		Sử dụng tốt
21	Bơm cái cầu	cái	1	x		Sử dụng tốt
22	Nhân công phần cầu	T/phần	1			
23	Kiểm định cầu + gàu	Cái	1			Phí kiểm định

1. Vệ sinh môi trường, PCCN, an toàn lao động:

- Đơn vị sửa chữa đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ an toàn lao động đúng quy định hiện hành.

2. Tiến độ thực hiện:

- Lập biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng tháng 3/2025.
- Lập phương án sửa chữa và thẩm định phương án sửa chữa xe: tháng 05/ 2025.
- Thời gian sửa chữa dự kiến: 30 ngày.

CHƯƠNG III CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục: Đính kèm.

- Căn cứ Biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng số 776/BB-PCCCh ngày 19/3/2025 của Văn Phòng Công ty Điện lực Củ Chi.

TẬP II

DỰ TOÁN

II. Thuyết minh các chi phí trước thuế trong dự toán:

1. Chi phí xây dựng

Dự toán chi phí sửa chữa bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí dự phòng và thuế giá trị gia tăng.

1.1 Chi phí vật liệu (VL=VLc+VLp):

Chi phí vật liệu bao gồm: vật liệu chính và vật liệu phụ cần thiết để thực hiện công tác.

Đơn giá vật liệu điện (VLc): Căn cứ đơn giá biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng và tham khảo đơn giá hiện tại trên thị trường;

1.2 Chi phí nhân công (NC): Theo đơn giá biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng và tham khảo đơn giá hiện tại trên thị trường.

1.3 Chi phí máy thi công (MTC): Không có.

1.4 Chi phí chung (C): Căn cứ văn bản số 1536/EVNHCMC-QLĐT ngày 08/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn về lập dự toán cho các công trình sửa chữa lớn.

1.5 Chi phí trực tiếp (T) : $T = VL + NC + M$

1.6 Thu nhập chịu thuế tính trước (TL): Căn cứ văn bản số 1536/EVNHCMC-QLĐT ngày 08/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn về lập dự toán cho các công trình sửa chữa lớn.

1.7 Thuế giá trị gia tăng (VAT): áp dụng theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022

2. Chi phí thiết bị: Theo đơn giá biên bản khảo sát thực trạng hư hỏng và tham khảo đơn giá hiện tại trên thị trường.

3. Chi phí khác: Không có

4. Chi phí dự phòng công trình: Căn cứ văn bản số 1536/EVNHCMC-QLĐT ngày 08/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn về lập dự toán cho các công trình sửa chữa lớn.

Chi phí dự phòng là khoản chi phí để dự trù vốn cho các khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế, dự phòng do yếu tố trượt giá trong quá trình thực hiện.

5. Vật tư thu hồi: Thanh lý hoặc hủy theo quy định

6. Một số vấn đề khác cần lưu ý: Không có

7. Tổng dự toán (sau thuế): 444.820.350 đồng

Trong đó:

Chi phí sửa chữa (trước thuế)	394.495.000 đồng
Thuế VAT 8%	31.559.600 đồng
Chi phí khác	0 đồng
Chi phí dự phòng	19.724.750 đồng
Chi phí vật tư thu hồi	959.000 đồng
Chi tiết dự toán đính kèm	

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ SỬA CHỮA LỚN

Công trình sửa chữa lớn xe Hino tải cầu biển số : 51C-881.92; MCT: CCHD2608001

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Phần sửa chữa	TỔNG CỘNG
I	CHI PHÍ THEO KHỐI LƯỢNG	Gkl	Gtb+Gxd	394.495.000	394.495.000
1	Chi phí thiết bị	Gtb	VL_C+VL_P	-	-
2	Chi phí xây dựng	Gxd	$gvl+gncxd+gmtcxd+Cc+TN+C_{td}$	394.495.000	394.495.000
	- Chi phí vật liệu	gvl	VL_C+VL_P	323.395.000	323.395.000
	+ Vật liệu chính	vlc	Chiết tính	323.395.000	323.395.000
	+ Vật liệu phụ	vlp	Chiết tính	-	-
	- Chi phí nhân công	gncxd	Chiết tính	71.100.000	71.100.000
	- Chi phí máy thi công (nếu có)	gmtcxd	Chiết tính	-	-
	- Chi phí chung	Cc	Không tính	-	-
	- Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	Không tính	-	-
	- Chi phí sửa chữa theo tiến độ (nếu có)	C_{td}	Không tính	-	-
II	Chi phí khác	Gk		-	-
1	Chi phí khảo sát (nếu có)		Không tính	-	-
2	Chi phí lập PAKT (nếu có)		Không tính	-	-
III	Giá trị dự toán sửa chữa trước thuế	g_{sc}	$Gk+Gk$	394.495.000	394.495.000
IV	Thuế giá trị gia tăng	VAT	$8\% * g_{sc}$	31.559.600	31.559.600
V	Cộng sau thuế	G	$g_{sc} + VAT$	426.054.600	426.054.600
VI	Chi phí dự phòng	G_{dp}	$g_{SC} \times 5\%$	19.724.750	19.724.750
VII	Vật tư thu hồi	VT_{th}	Tạm tính (Bảng VT-TB Thu hồi)	959.000	959.000
	Tổng giá trị dự toán sửa chữa	GSC	$(G+G_{dp}) - VT_{th}$	444.820.350	444.820.350

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ VTTB SỬA CHỮA LỚN

Công trình sửa chữa lớn xe Hino tải cầu biển số : 51C-881.92; MCT: CCHD2608001

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I/ PHẦN MÁY (bảo dưỡng)					41.495.000
1	Dây couroie	Sợi	2,000	400.000	800.000
2	Luột dầu	Cái	2,000	400.000	800.000
3	Luột nhớt	Cái	1,000	500.000	500.000
4	Luột gió	Cái	1,000	1.500.000	1.500.000
5	Nhớt máy	Lít	12,000	120.000	1.440.000
6	Cao su chân máy	Cục	2,000	3.000.000	6.000.000
7	Nước làm mát	Lít	6,500	70.000	455.000
8	Ruột tăng áp động cơ	cái	1,000	30.000.000	30.000.000
II/ PHẦN THẮNG + LY HỢP					37.600.000
1	Cuppen tổng phanh	Bộ	1,000	3.000.000	3.000.000
2	Cuppen bánh trước sau	Bộ	4,000	1.000.000	4.000.000
3	Ống cao su thắng	Ống	3,000	300.000	900.000
4	Dầu thắng	Bình	2,000	200.000	400.000
5	Bộ ly hợp	Cái	1,000	6.500.000	6.500.000
6	Bạc đạn ly hợp	Cái	1,000	800.000	800.000
7	Mâm ép	Cái	1,000	15.000.000	15.000.000
8	Trợ lực ly hợp	bộ	1,000	7.000.000	7.000.000
III/ PHẦN DÀN GẮM					40.300.000
1	Bạc đạn bánh trước	Cái	4,000	700.000	2.800.000
2	Bạc đạn bánh sau	Cái	4,000	800.000	3.200.000
3	Feutre bánh trước	Cái	2,000	450.000	900.000
4	Feutre bánh sau	Cái	2,000	450.000	900.000
5	Phốt hợp số	Bộ	1,000	400.000	400.000
6	Phốt cầu	Bộ	1,000	400.000	400.000
7	Nhớt (hộp số + cầu)	Lít	10,000	150.000	1.500.000
8	Bạc ốc nhíp trước	Cái	6,000	600.000	3.600.000
9	Bạc ốc nhíp sau	Cái	6,000	600.000	3.600.000
10	Ống nhún trước sau	Ống	4,000	1.500.000	6.000.000
11	Vỏ ruột yếm 10-20	cái	2,000	8.500.000	17.000.000
IV/ PHẦN ĐỒNG CABINE + THÙNG					31.200.000
1	Tole làm đồng cabine 1ly2	tám	1,000	2.000.000	2.000.000
2	Bùng thùng	cái	5,000	4.500.000	22.500.000
3	Tole 3 ly làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tám	1,000	2.500.000	2.500.000
4	Bộ chấn bunn trước sau	Bộ	2,000	300.000	600.000
5	Bản lề bùng thùng	Cái	20,000	50.000	1.000.000
6	Khóa bùng thùng	Cái	8,000	200.000	1.600.000
7	Vật tư gió đá hàn	Cái	1,000	1.000.000	1.000.000
V/ PHẦN ĐIỆN + NỆM					12.200.000
1	Chổi gạt nước	Cái	2,000	350.000	700.000
2	Chụp đèn lái sau	Cái	2,000	1.000.000	2.000.000
3	Băng niệm trước sau (simili)	Bộ	1,000	3.500.000	3.500.000
4	Tapis sàn	Cái	1,000	1.000.000	1.000.000
5	Bình ắc quy 70Ah	cái	2,000	2.500.000	5.000.000
VI/ TAY LÁI					3.000.000
1	Rotule tay lái ngang	Cái	2,000	1.500.000	3.000.000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
VII/ PHẦN SON					27.000.000
1	Cabin xe	T.bộ	1,000	8.000.000	8.000.000
2	Thùng xe	T.bộ	1,000	8.000.000	8.000.000
3	Gầm chassis	T.bộ	1,000	6.000.000	6.000.000
4	Cầu	T.bộ	1,000	5.000.000	5.000.000
VIII/ PHẦN MÁY LẠNH					20.000.000
1	Block lạnh	cái	1,000	7.500.000	7.500.000
2	Dàn lạnh	cái	1,000	4.500.000	4.500.000
3	Dàn nóng	cái	1,000	3.500.000	3.500.000
4	Phin lọc ga	cái	1,000	500.000	500.000
5	Ống lạnh	bộ	1,000	3.000.000	3.000.000
6	Nhớt lock+ sạc ga 134	lần	1,000	1.000.000	1.000.000
IX/ PHẦN CẦU					110.600.000
1	Bạc đạn ụ quay bàn	Cái	4,000	1.500.000	6.000.000
2	Phốt ụ quay bàn	Cái	1,000	200.000	200.000
3	Nhớt thủy lực	Lít	100,000	60.000	6.000.000
4	Đạn mâm quay bàn	bộ	1,000	9.500.000	9.500.000
5	Bộ hãm cáp cầu	Bộ	1,000	3.500.000	3.500.000
6	Cáp cầu	Mét	100,000	70.000	7.000.000
7	Lượt nhớt ben	Cái	1,000	500.000	500.000
8	Bộ da ty vô ra cần	Bộ	3,000	3.500.000	10.500.000
9	Bộ da ty nâng cần	Bộ	1,000	4.500.000	4.500.000
10	Bộ da ty chân chống	Bộ	4,000	3.000.000	12.000.000
11	Bạc đạn ụ cuốn cáp	Cái	4,000	400.000	1.600.000
12	Ống thủy lực	ống	10,000	600.000	6.000.000
13	Cardan lắp thủy lực	cái	2,000	250.000	500.000
17	Bạc đạn buli cáp	cái	8,000	350.000	2.800.000
15	Gàu nâng composite	cái	1	40.000.000	40.000.000

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG SỬA CHỮA LỚN

Công trình sửa chữa lớn xe Hino tải cầu biển số : 51C-881.92; MCT: CCHD2608001

STT	Thành phần công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nhân công phần máy(bảo dưỡng)	T/phần	1,000	1.500.000	1.500.000
2	Bơm trợ lực thắng	cái	1,000	3.500.000	3.500.000
3	Tán bố thắng trước sau	càng	8,000	800.000	6.400.000
4	Dốt tambua bánh trước sau	cái	4,000	200.000	800.000
5	Tán bố thắng tay	bộ	1,000	300.000	300.000
6	Nhân công phần thắng+ ly hợp	T/phần	1,000	3.000.000	3.000.000
7	Nhân công phần dàn gầm	T/phần	1,000	3.000.000	3.000.000
8	Làm đồng cabine	xe	1,000	6.000.000	6.000.000
9	Làm đồng sàn thùng(2mx1m2)	Tấm	1,000	2.500.000	2.500.000
10	Nhân công phần đồng cabine+thùng	T/phần	1,000	4.000.000	4.000.000
11	Đèn phacos trước	Cái	2,000	1.500.000	3.000.000
12	Demareur	Cái	1,000	1.500.000	1.500.000
13	Dynamo	Cái	1,000	800.000	800.000
14	Nhân công phần điện +nệm	T/phần	1,000	1.500.000	1.500.000
15	Rotule tay lái dộc	Cái	2,000	900.000	1.800.000
16	Nhân công phần tay lái	T/phần	1,000	1.000.000	1.000.000
17	Nhân công phần sơn	T/phần	1,000	5.000.000	5.000.000
18	Nhân công phần máy lạnh	T/phần	1,000	1.500.000	1.500.000
19	Bơm cuốn cáp	cái	1,000	3.500.000	3.500.000
20	Bơm quay bàn	cái	1,000	3.500.000	3.500.000
21	Bơm cái cầu	cái	1,000	4.500.000	4.500.000
22	Nhân công phần cầu	T/phần	1,000	10.000.000	10.000.000
23	Kiểm định cầu + gàu	Cái	1,000	2.500.000	2.500.000
	TỔNG CỘNG				71.100.000

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ THIẾT BỊ THU HỒI

Công trình sửa chữa lớn xe Hino tải cầu biển số : 51C-881.92; MCT: CCHD2608001

Stt	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng qui đổi sắt thu hồi (kg)	Đơn giá thu hồi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bạc đạn ly hợp	Cái	1	0,5	7.000	3.500	
2	Mâm ép	Bộ	1	4	7.000	28.000	
3	Bạc đạn bánh trước	Cái	4	2	7.000	14.000	
4	Bạc đạn bánh sau	Cái	4	2	7.000	14.000	
5	Cardan láp lọc	Cái	3	1,5	7.000	10.500	
6	Bạc ác nhíp trước	Cái	6	1	7.000	7.000	
7	Bạc ác nhíp sau	Cái	6	1	7.000	7.000	
8	Ống nhún trước	ống	2	6	7.000	42.000	
9	Rotyun tái ngang dọc	cái	4	2	7.000	14.000	
10	Bửng thùng	Cái	5	70	7.000	490.000	
11	Bản lề bửng thùng	cái	24	2	7.000	14.000	
12	Khoá bửng thùng	cái	8	3	7.000	21.000	
13	Bạc đạn ụ quay bàn	Cái	4	2	7.000	14.000	
14	Đạn mâm quay bàn	bộ	1	3	7.000	21.000	
15	Cáp cầu phi 10	Mét	110	33	7.000	231.000	
16	Bạc đạn ụ cuốn cáp	Cái	4	2	7.000	14.000	
17	Cardan láp thủy lực	cái	2	1	7.000	7.000	
18	Bạc đạn buli cáp	cái	8	1	7.000	7.000	
	Tổng cộng					959.000	

Ghi chú:

Khối lượng qui đổi và Đơn giá VTTB thu hồi chỉ là tạm tính

